

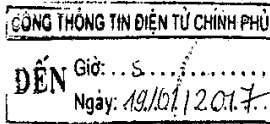
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **01/2017/QĐ-TTg**

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo
của hệ thống giáo dục quốc dân**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân cấp I, cấp II và cấp III:

- Cấp I: Trình độ giáo dục, đào tạo;
- Cấp II: Lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Cấp III: Nhóm chương trình, nhóm ngành, nhóm nghề giáo dục, đào tạo.

Phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Phân công nhiệm vụ:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, cập nhật và hướng dẫn Danh mục giáo dục, đào tạo cấp I, cấp II và cấp III.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, cập nhật và hướng dẫn Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV phù hợp với yêu cầu quản lý giáo dục, đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017; thay thế Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

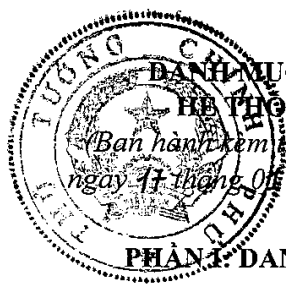
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng Quốc gia giáo dục và PTNL;
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b). 206

THỦ TƯỚNG



Handwritten signature

Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
**DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CỦA
HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg
ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

PHẦN I. DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CẤP I

Mã cấp I	TÊN GỌI
0	Mầm non
1	Tiểu học
2	Trung học cơ sở
3	Trung học phổ thông
4	Sơ cấp
5	Trung cấp
6	Cao đẳng
7	Đại học
8	Thạc sĩ
9	Tiến sĩ

DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CẤP II

Cấp II	TÊN GỌI
01	Chương trình cơ bản
08	Chương trình xoá mù chữ
09	Chương trình giáo dục chuyên biệt
14	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
21	Nghệ thuật
22	Nhân văn
31	Khoa học xã hội và hành vi
32	Báo chí và thông tin
34	Kinh doanh và quản lý
38	Pháp luật
42	Khoa học sự sống
44	Khoa học tự nhiên
46	Toán và thống kê
48	Máy tính và công nghệ thông tin
51	Công nghệ kỹ thuật
52	Kỹ thuật
54	Sản xuất và chế biến
58	Kiến trúc và xây dựng
62	Nông, lâm nghiệp và thủy sản
64	Thú y
72	Sức khỏe
76	Dịch vụ xã hội
81	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
84	Dịch vụ vận tải
85	Môi trường và bảo vệ môi trường
86	An ninh, quốc phòng
90*	Khác

DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CẤP III

Mã các cấp		TÊN GỌI
Cấp II	Cấp III	
01		<i>Chương trình cơ bản</i>
	0101	Chương trình giáo dục mầm non
	0102	Chương trình giáo dục tiểu học
	0103	Chương trình trung học cơ sở
	0104	Chương trình trung học phổ thông
08		<i>Chương trình xoá mù chữ</i>
	0801	Chương trình xoá mù chữ
09		<i>Chương trình giáo dục chuyên biệt</i>
	0901	Chương trình giáo dục chuyên biệt
14		<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>
	1401	Khoa học giáo dục
	1402	Đào tạo giáo viên
	1490	Khác
21		<i>Nghệ thuật</i>
	2101	Mỹ thuật
	2102	Nghệ thuật trình diễn
	2103	Nghệ thuật nghe nhìn
	2104	Mỹ thuật ứng dụng
	2190	Khác
22		<i>Nhân văn</i>
	2201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam
	2202	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài
	2290	Khác
31		<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>
	3101	Kinh tế học
	3102	Khoa học chính trị
	3103	Xã hội học và Nhân học
	3104	Tâm lý học
	3105	Địa lý học
	3106	Khu vực học
	3190	Khác
32		<i>Báo chí và thông tin</i>
	3201	Báo chí và truyền thông
	3202	Thông tin - Thư viện
	3203	Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng
	3204	Xuất bản - Phát hành
	3290	Khác